

Bản án số: **44/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 30-9-2021
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Bảo Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng
2. Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 82/TB-TA ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hà Thị L**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: K194/22 đường Đ, tổ 44 phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Phạm S**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: K194/22 đường Đ, tổ 44 phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Hà Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L kết hôn với ông Phạm S vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tính và quan điểm sống của chúng tôi không hợp nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi vã. Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Bà L xác định 02 con chung tên Phạm Thị H, sinh ngày 14/7/2011 và Phạm Thị L1, sinh ngày 25/4/2018.

Ly hôn, bà L có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có.

**Ông Phạm S không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Việc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Hà Thị L được ly hôn với ông Phạm S. Giao hai con Phạm Thị H, sinh ngày 14/7/2011 và Phạm Thị L1, sinh ngày 25/4/2018 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông S không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết. Án phí HNGĐ-ST bà Hà Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về thủ tục tố tụng:*

[1] Đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là ông Phạm S có địa chỉ cư trú tại K194/22 đường Đ thuộc phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn ông Phạm S nhưng ông S vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

***Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị L và ông Phạm S đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 4 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông S là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn với ông Phạm S. Bà L cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, cách suy nghĩ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của đương sự thì thấy: Mọi quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại khi cả hai vợ chồng cùng yêu thương, cùng nhau xây đắp gia đình, cùng nhau có trách nhiệm, chăm sóc cũng như tạo mọi điều kiện cho nhau trong cuộc sống. Trong quá trình chung sống, bà L và ông S có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm cần thiết. Mặc dù kết quả xác minh tại địa phương không xác định được ông bà có mâu thuẫn hay không, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ, nhưng ông Phạm S đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông S không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án cho ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Hà Thị L xác định trong quá trình chung sống ông bà sinh được 02 con chung tên Phạm Thị H, sinh ngày 14/7/2011 và Phạm Thị L1, sinh ngày 25/4/2018.

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con chung của bà L thì thấy: Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái. Song

việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con để không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con. Xét thấy, sau khi kết hôn đến nay, bà L, ông S và các con đều sinh sống tại địa chỉ K194/22 đường Đ, thành phố Đà Nẵng, việc sinh hoạt đã thành thói quen, việc thay đổi môi trường sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu. Đồng thời, các cháu đều là con gái đang tuổi trưởng thành nên cần sự giáo dục của người mẹ. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để ghi nhận ý kiến của ông S nhưng ông S đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông S không có thiện chí nên việc giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị L đối với ông Phạm S về việc "*Ly hôn*".

Tuyên xử:

1. Cho bà Hà Thị L được ly hôn ông Phạm S.

- Về con chung: Bà Hà Thị L xác định bà và ông Phạm S có 02 con chung tên Phạm Thị H, sinh ngày 14/7/2011 và Phạm Thị L1, sinh ngày 25/4/2018.

Giao con chung Phạm Thị H, sinh ngày 14/7/2011 và Phạm Thị L1, sinh ngày 25/4/2018 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Phạm S không cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hà Thị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Hà Thị L phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0009045 ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2021). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Bảo Huyền Trân